

II-NHÂN DUYÊN ƯC NHĨ

1. Tăng già biên địa

Bấy giờ Đại Ca-chiên-diên ở trong sườn núi Câu-lưu Hoan hỷ¹⁴⁶¹ tại nước A-bàn-đề,¹⁴⁶² cùng với Ưc Nhĩ Ưu-bà-tắc,¹⁴⁶³ có cả người sai khiến.¹⁴⁶⁴

Bấy giờ, Ưc Nhĩ lòng tự nghĩ:

- Như lời Phật dạy, nếu ta sống tại gia cùng với vợ con, không thể tu hạnh thanh tịnh được. Ta hãy cạo bỏ râu tóc xuất gia làm đạo.

Ưc Nhĩ liền đến chỗ Đại Ca-chiên-diên thưa:

- Con nghe lời Phật dạy, nếu sống tại gia cùng với vợ con, không thể tu hạnh thanh tịnh được. Cúi xin Đại đức cho con xuất gia thọ đại giới.

Ca-chiên-diên nói:

- Xuất gia là việc rất khó. Làm Sa-môn cũng không phải là dễ. Ông nên sống tại gia, hộ trì Phật giới, tùy theo thời tu hành theo lời Phật dạy.

Ưc Nhĩ thưa xin ba lần. Đại Ca-chiên-diên thấy Ưc Nhĩ ân cần ba phen, bèn cho xuất gia, nhưng đến ba năm mới được thọ đại giới. Tại sao vậy? Bởi vì không đủ Tăng gồm mười vị. Ưc Nhĩ thọ giới chưa bao lâu liền đắc đạo A-la-hán. Tự ghi nhận sự đắc đạo như trước đã nói.

Bấy giờ Ưc Nhĩ nghe Đức Phật có công đức tướng hảo trang nghiêm, các căn tịch tịnh, vô thượng điều phục, như tượng vương, như vực suối trong vắt, người nghe đều hoan hỷ. Ưc Nhĩ muốn đến yết kiến Đức Phật nên đến chỗ Ca-chiên-diên thưa:

- Con nghe công đức của Phật như vậy, muốn đến yết kiến Như Lai, bậc Vô sở trước, Đẳng chánh giác.

Ca-chiên-diên nói:

- Công đức của Phật như lời ông nói.

1460. Hết quyển >8.

1461. Câu-lưu Hoan hỷ sơn khúc 拘留歡喜山曲. Pali, Vin.i. 194: Kuraraghare papāte pabbate, trên sườn núi Papāta, thị trấn Kuraraghara. Ngũ phần 2l (T22n142l, tr.144al>): A-thấp-ba A-vân-đầu quốc Ba-lâu-đa sơn 阿濕波阿雲頭國波樓多山.

1462. A-bàn-đề quốc, 阿槃提國. Pali, Vin.i. 194, Avantī.

1463. Ưc Nhĩ Ưu-bà-tắc 億耳優婆塞. Ngũ phần 2l, ibid., cư sĩ tên là Sa-môn Ưc Nhĩ 沙門 億耳. Pali, Vin.i. 194, Sona Kunikanma.

1464. Hán: sử nhân câu 使人俱. Cf. Pali, ibid., Sono upasako Kunikanmo āyasmato Mahā-Kaccānassa upanmhako hoti, Ưu-bà-tắc Sona Kunikanma là người phục vụ cho Trưởng lão Đại Ca-chiên-diên. Bản Hán hiệu upanmhako, người phục vụ, là nhân vật thứ ba; không phải là từ đồng cách.

Ca-chiên-diên nói tiếp:

- Ông nhân danh tôi đến chỗ Đức Phật, đánh lễ sát chân, thăm hỏi Thế Tôn: “Thế Tôn đi đứng khỏe mạnh không? Ít bệnh, an lạc không?”

Rồi ông đem năm việc sau đây đến bạch Đức Thế Tôn:

1. Tại nước A-thấp-bà A-bàn-đề ít Tỳ-kheo, nên thọ đại giới khó khăn, ba năm mới tổ chức được.¹⁴⁶⁵ Tại sao như vậy? Vì không đủ Tăng mười vị. Từ nay về sau, cúi xin Đức Thế Tôn phương tiện khai cho thế nào để nước A-thấp-bà A-bàn-đề được thọ đại giới dễ dàng.

2. A-thấp-bà A-bàn-đề nhiều chông gai, sỏi đá; giày dép một lớp dễ bị hư rách. Cúi xin Đức Thế Tôn cho phép mang giày dép hai lớp.

>. A-thấp-bà A-bàn-đề người đời ưa tắm. Cúi xin Đức Thế Tôn cho phép Tỳ-kheo thường thường tắm rửa.

4. Như các phương khác có những loại ngọ cụ tốt như y-lê-diên-đà, mào-la, mào-mào-la, cù lâu¹⁴⁶⁶ như vậy. Nước A-thấp-bà A-bàn-đề cũng dùng da làm ngọ cụ như da sơn dương, da cừu, da hươu.¹⁴⁶⁷ Cúi xin Đức Thế Tôn cho phép được dùng ngọ cụ bằng da.

5. Có Tỳ-kheo đến địa phương khác. Sau đó, trú xứ cũ được y¹⁴⁶⁸, không dám nhận; vì sợ phạm ni-tát-kỳ. Cúi xin Đức Thế Tôn phương tiện khai cho được nhận.

Tỳ-kheo Ưc Nhĩ nghe Đại Ca-chiên-diên nói, im lặng thọ trì, từ chỗ ngồi đứng dậy, đầu mặt kính lễ, nhiễu quanh rồi cáo lui. Ưc Nhĩ nghe Đức Thế Tôn ở trong núi Kỳ-xà-quật, thành Vương-xá. Ưc Nhĩ mang đầy đủ ba y và bát đến chỗ Đức Phật, đánh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên, Đức Phật liền ủy lạo bằng cách hỏi:

- Trụ chỉ có được an lạc hay không? Có vất vả vì sự ăn uống không?

Ưc Nhĩ bạch Phật, trụ chỉ được an lạc, không bị vất vả bởi thức ăn.

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

- Sửa soạn chỗ cho các Tỳ-kheo nghỉ.

Tôn giả A-nan tự biết, theo thường pháp của Đức Thế Tôn, là muốn cho khách Tỳ-kheo cùng nghỉ với Ngài, nên mới bảo A-nan sửa soạn. Tôn giả vâng lời Phật dạy, vào trong phòng nơi Đức Phật nghỉ, sửa soạn một chỗ ngồi đối diện với chỗ ngồi của Ngài. Rồi trở lại chỗ

1465. Ngũ phần 21, *ibid.*, Ưc Nhĩ thọ Sa-di 6 năm mới thọ cụ túc.

1466. Y-lê-diên-đà, mào-la, mào-mào-la, cù lâu 伊犁延陀耄羅耄羅. Pali (Vin.i. 195): eragu, moragu, majjhāru, jantu. Thập tụng: ma nhục phú (phủ đệm gai), mao nhục phú (phủ đệm lông), hoa y nhục phú (phủ đệm áo bông) 麻褥覆毛褥覆花衣褥覆.

1467. Cổ dương, bạch dương, lộc 羊白羊鹿. Pali: enakacamma, ajacamma, migacamma.

1468. Y được dành cho Tỳ-kheo vắng mặt tại trú xứ cũ.

Phật, đánh lễ sát chân, đứng qua một bên, bạch Đức Thế Tôn:

- Con đã sửa soạn chỗ cho khách Tỳ-kheo nghỉ xong. Con xin phép được mời khách vào.

Đức Thế Tôn liền đứng dậy vào phòng, đến chỗ ngồi. Ưc Nhĩ cùng vào phòng với Đức Phật, ngồi vào chỗ ngồi đối diện. Đức Thế Tôn ngồi tĩnh lặng trong giây lát, rồi bảo Ưc Nhĩ:

- Ông có thể nói pháp không?

Ưc Nhĩ nghe lời Phật dạy, bèn ở trước Đức Phật, nói Mười sáu cú nghĩa,¹⁴⁶⁹ không thêm, không bớt, không hoại, âm thanh trong trẻo, chương cú thứ tự rõ ràng có thể hiểu được. Bấy giờ, Đức Thế Tôn nghĩ: “Hay thay, Tỳ-kheo này nói kinh pháp mười sáu cú nghĩa, không tăng, không giảm, không hư hoại, âm thanh trong trẻo, thứ tự chương cú rõ ràng, có thể hiểu được.” Đức Phật hỏi Ưc Nhĩ:

- Trước đây ông làm gì?

Ưc Nhĩ thưa:

- Từ lâu, con thấy dục là tai hại. Nhưng thọ giới được thì rất khó. Phải đợi đến ba năm. Vì sao vậy? Vì không đủ chúng mười vị.

Ưc Nhĩ nghĩ rằng nay đã đúng lúc bạch lên Đức Thế Tôn năm việc mà Hòa thượng Ca-chiên-diên dặn. Ưc Nhĩ bạch Phật:

- Hòa thượng Ca-chiên-diên của con dặn con nhân danh người đệ đầu đánh lễ sát chân Đức Thế Tôn và xin được vấn an sức khỏe Thế Tôn: “Thế Tôn đi đứng khỏe mạnh không? Ít bệnh, an lạc không?”

Rồi Ưc Nhĩ trình bày năm việc như trên lên Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn chấp thuận bằng sự im lặng.

Sáng sớm hôm sau, Đức Phật dùng nhân duyên này tập hợp Tăng Tỳ-kheo, vì các Tỳ-kheo tùy thuận nói pháp, dùng vô số phương tiện khen ngợi hạnh đầu đà, oai nghi tề chỉnh, thiếu dục tri túc, ưa nơi không nhàn, và bảo các Tỳ-kheo:

- Cho phép nước A-thấp-bà A-bàn-đề có người thứ năm là người trì luật¹⁴⁷⁰ thì được thọ đại giới. Các nơi khác gặp trường hợp như vậy cũng cho phép. Nơi khác là: phương Đông có nước tên là Bạch mộc

1469. Thập lục cú nghĩa 十六句義. Ngũ phần, ibid., Thập lục nghĩa phẩm kinh 十六義品經. Thập tụng 25 (T2>n14>5, p181b25): Ba-la-diên-tát-giá-đà-xá-tu-đổ-lộ 波羅延薩遮陀舍修路. Pali, Vin.i. 196, Anmha-kavaggi-kāni, được hiểu là Nghĩa phẩm, hay Bát kệ phẩm, gồm 16 kinh, 210 kệ, Phẩm thứ tư thuộc bộ Suttanipāta.

1470. Trì luật ngũ nhân 持律五人. Nên hiểu là thứ năm là người trì luật. Tăng năm người, có một người trì luật. Không đòi hỏi tất cả năm vị đều là trì luật. Do đó không nên hiểu nhóm từ Hán này là “Năm người trì luật.” Thập tụng 25 (T2>n14>5 tr.181c29): trì luật đệ ngũ 持律第五. Cf. Vin.i. 197: vinayadharapaḍcamena.

điều;¹⁴⁷¹ ngoài nước ấy thì được phép. Phương Nam có tháp tên là Tỉnh thiện,¹⁴⁷² ngoài tháp ra thì được phép. Phương Tây có Quốc sơn tên là Nhất-sư-lê Tiên nhân chủng,¹⁴⁷³ ngoài núi ra thì được phép. Phương Bắc có nước tên là Trụ,¹⁴⁷⁴ ngoài ra thì được phép. Ngoài các nơi như trên nếu có người thứ năm là người trì luật thì được phép thọ giới.

- Cho phép nước A-thấp-bà A-bàn-đề mang giày dép hai lớp.
- Cho phép nước A-thấp-bà A-bàn-đề thường xuyên được tắm rửa.
- Cho phép nước đó trải da của loài sơn dương, cừu, da hươu làm ngọa cụ.
- Cho phép các Tỳ-kheo nhận được y đủ mười ngày. Quá hạn nên xả. Xả rồi sám hối.

2. Những quy định về da thuộc

i. Quy định chung về giày dép

Bấy giờ, có Tỳ-kheo nhận được đôi dép vá bằng da; khi ở cách Phật không xa, bèn xé lột ra cho hư hoại, vì sợ phạm mang dép hai lớp. Đức Thế Tôn biết mà vẫn hỏi Tỳ-kheo ấy:

- Sao ông xé đôi dép cho hư hoại?

Vị Tỳ-kheo thưa:

- Vì con sợ phạm giới mang dép hai lớp.

Đức Phật dạy:

- Giày dép bị lủng hư, được phép vá hai lớp.

Các Tỳ-kheo nhận được loại da chưa thuộc. Đức Phật dạy:

- Cho phép thuộc da cho mềm. Hoặc tự mình làm cho nó mềm, hoặc nhờ người làm cho mềm rồi mới cắt làm giày dép một lớp.

Cần dao, Phật cho phép chứa dao. Cần ván, Phật cho phép chứa ván. Cần gân, cần lông, cần chỉ da... Đức Phật đều cho phép chứa. Cần kéo, Đức Phật cho phép chứa kéo. Dao lặt, cho phép mài, cho phép chứa đá mài.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo để rải rác dao, dùi, gân, lông, chỉ da, kéo,

1471. Bạch mộc điều 白木調. Hán dịch này phù hợp Pali: Setakandika; nhưng Vin.i.197 nói thị trấn này ở về phía nam, gần với Thập tụng, ibid., trung nam phương, Bạch mộc tụ lạc 白木聚落. Lấy đây làm mốc. Qua khỏi đây, được xem là biên địa.

1472. Tỉnh thiện 靜善. Không tìm thấy tương đương trong Thập tụng và Pali. Tham chiếu, Thập tụng: phương đông có tụ lạc Bà-la-môn tên là Già-lang 伽郎. Tương đương Pali: Kajangala, thị trấn nhỏ ở về phía đông.

1473. Nhất-sư-lê Tiên nhân chủng 一師梨仙人種. Có lẽ Thập tụng nói là Ưu-thi-la sơn 優尸羅山, ở phương bắc; Tương đương Pali: Us#raddhaja, về phía bắc.

1474. Trụ 柱. tên nước. Thập tụng: phương tây có tụ lạc Bà-la-môn tên là Trụ 住婆羅門 聚落. Pali: về phía tây có ngôi làng Bà-la-môn tên là Thūna, mà hai bản Hán đều đọc là Thāna.

không có chỗ cất. Đức Phật dạy:

- Cho phép làm cái túi để đựng. Hoặc lấy tre đan thành lồng; hoặc lấy vỏ cây làm thành cái lồng. Cho phép dùng dây bằng lông bọc bên ngoài. Có thể dùng một trong mười loại vải để làm cái dây.

Các Tỳ-kheo dùng da để làm. Đức Phật dạy:

- Không được dùng da làm.

Các Tỳ-kheo để y mới trên giày dép rồi ngồi, làm bần y. Đức Phật dạy:

- Không được để y mới lên trên giày dép rồi ngồi lên trên. Các Tỳ-kheo cũng không được ngồi trên da. Trừ nước A-thấp-bà

A-bàn- đề.

Các Tỳ-kheo đem giày dép để ở trước rồi ngủ, chớ ngậm đem đi.

Đức Phật dạy:

- Không được để giày dép ở trước rồi ngủ. Nên lấy cỏ phủ lại. Hoặc úp hai đế lại với nhau rồi để dưới ni-sư-đàn.

Tỳ-kheo đem giày dép để một bên rồi ngủ. Khi lăn qua, nằm trên giày dép, với tâm cẩn thận nghĩ, sợ phạm tội nằm ngủ trên da. Đức Phật dạy:

- Không phạm.

Có Tỳ-kheo đem giày dép để trong bình bát mang đi. Tỳ-kheo khác thấy, nhờm gồm. Đức Phật dạy:

- Không nên để giày dép trong bình bát. Nên giữ bát cho sạch sẽ.

Có Tỳ-kheo một tay cầm cả giày dép và bình bát. Tỳ-kheo khác thấy, nhờm gồm. Đức Phật dạy:

- Không được một tay cầm cả giày dép và bình bát. Nên một tay cầm bình bát, một tay xách giày dép.

Các Tỳ-kheo lội qua nước bùn, vén y không được. Y rớt trong nước bùn. Đức Phật dạy:

- Cho phép dùng ngón tay móc giày dép. Bình bát để trong bàn tay. Một tay vén y.

ii. Các loại da

Các Tỳ-kheo ở nước Câu-tát-la, du hành trong nhân gian. Đến nơi thôn không có trú xứ Tỳ-kheo. Nghỉ đêm tại nhà ông thợ làm đồ gốm, gần bên chỗ nhồi bùn có da thú. Tỳ-kheo ngủ bên trên, sáng ngày mới thấy, sợ phạm ngủ trên da. Đức Phật dạy:

- Không phạm.

Nhóm sáu Tỳ-kheo tích trữ loại da lớn¹⁴⁷⁵ như sư tử, cạp, beo, rái cá, mèo rừng, ca-la,¹⁴⁷⁶ cáo. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Không được chứa tất cả da lớn.

Nhóm sáu Tỳ-kheo ngồi trên giường cao lớn, hoặc ngồi một mình trên giường dây, giường cây, giường ngà voi, trải bằng da ngựa, da voi; đệm bông, ngọa cụ tạp sắc, cù lâu,¹⁴⁷⁷ dùng các loại lông con rái cá độn làm nệm. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Không được ngồi trên giường cao lớn, cho đến dùng lông con rái cá độn làm nệm.

Các Tỳ-kheo đến nhà bạch y. Họ trải giường cao rộng tốt đẹp cho Tỳ-kheo, mời Tỳ-kheo ngồi. Các Tỳ-kheo nói:

- Đức Phật không cho phép chúng tôi ngồi trên giường cao lớn.

Các bạch y thưa:

- Chúng con đâu có cái giường nào khác.

Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Cho phép ngồi. Trừ loại giường bằng vật báu, ngoài ra, nơi nhà bạch y, được phép được ngồi.

Các Tỳ-kheo đến nhà bạch y. Họ vì Tỳ-kheo trải giường bằng da, giường đơn.¹⁴⁷⁸ Các Tỳ-kheo e ngại không dám ngồi, nghĩ: “Đức Phật không cho chúng ta ngồi trên da thú, trừ tại nước A-thấp-bà A-bàn-đề.” Các bạch y thưa:

- Chúng con không có cái giường nào khác.

Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Cho phép nơi nhà bạch y được ngồi.

Các Tỳ-kheo đến nhà bạch y. Họ trải giường dây, giường cây dài. Các Tỳ-kheo e ngại không dám ngồi vì Phật không cho phép họ và thượng tọa cùng ngồi trên một giường. Các bạch y thưa:

- Chúng con không đủ chỗ cho mỗi vị ngồi riêng một giường.

Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Cho phép nơi nhà bạch y được ngồi chung.

Các Tỳ-kheo đến nhà bạch y. Họ trải đẫy bằng da. Tỳ-kheo có tâm e ngại, nghĩ: “Đức Phật không cho phép ngồi trên da.”

1475. Đại bì 大皮; Cf. Thập tụng 25 (tr.182a 2>), da của năm loại thú gọi là da lớn (kích cỡ): sư tử, cạp, beo, rái cá và chồn.

1476. Ca-la 迦羅. không biết con gì. Có lẽ Pali (Vin.i.186): Kāmaka, con sóc (?). Hoặc Skt. kālaka, một loại rắn nước (Wogihara: hắc long)

1477. Cù-lâu; chưa rõ. Xem cht. >I Ch. vi: Y ở sau. Tham chiếu Trương A-hàm >, kinh số 2. Du hành, T01, tr. 2>b.

1478. Độc tọa sàng 獨坐床. Xem Phần II, Tỳ-kheo-ni, Ba-dật-đề 8> & cht. 142.

Các cư sĩ thưa:

- Chúng con không có chỗ ngồi nào khác.

Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Cho phép nơi nhà bạch y được ngồi.

Bấy giờ, Bạt-nan-đà Thích tử có đàn-việt là một người chăn bò. Sáng sớm, Bạt-nan-đà khoác y đến nhà đàn-việt, trải chỗ ngồi. Lúc đó, người chăn bò đến ngồi nghe pháp. Bạt-nan-đà Thích tử khéo léo vì ông nói pháp, dùng mọi phương tiện khuyến hóa người đàn-việt khiến rất hoan hỷ, nên hỏi:

- Đại đức cần gì?

Bạt-nan-đà nói:

- Thôi. Tôi không cần gì. Như thế là cúng dường rồi.

Người đàn-việt lại thưa:

- Xin Thầy cần gì cứ nói.

Bạt-nan-đà nói:

- Thôi, tôi không cần gì. Tôi có nói ra cũng không đáp ứng được đâu!

Người đàn-việt nói:

- Đại đức cứ nói, con sẽ dâng cúng.

Cách đó không xa có một con bê khoang, Bạt-nan-đà nói:

- Tôi cần loại da đó.

Người đàn-việt thưa:

- Xin ngài đợi một chút, để con giết nó đã.

Người ấy liền giết con bê, lột da cúng cho Bạt-nan-đà. Bạt-nan-đà nhận được da rồi, từ chỗ ngồi đứng dậy mang đi. Con bò mẹ rống la thống thiết, đi theo Bạt-nan-đà đến cửa Kỳ-hoàn. Các Tỳ-kheo thấy hỏi:

- Con bò này tại sao rống la và đi theo thầy? Bạt-nan-đà nói:

- Đây là da của con nó. Tôi mang về nên nó đi theo. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Không được xin da sống. Nếu xin, sẽ như pháp trị.

iii. Các vật dụng bằng da

1. Các Tỳ-kheo e ngại không dám đeo phao nổi qua sông. Đức Phật dạy:

- Được phép.

Các Tỳ-kheo nắm đuôi trâu lội qua sông. Khi qua khỏi sông mới biết là trâu cái nên e ngại. Đức Phật dạy:

- Không phạm. Tuy nhiên, từ nay về sau, không nên nắm đuôi trâu cái qua sông.

Các Tỳ-kheo không dám ngồi trên thảm bằng da để qua sông.

- Được phép ngồi.

Các Tỳ-kheo e ngại không dám ngồi trên thuyền bằng da để qua sông. Đức Phật dạy:

- Cho phép được ngồi trên thuyền bằng da để qua sông. Hoặc ngồi hay nằm tùy ý.

2. Các Tỳ-kheo dùng da làm dây đựng dao, không dùng vật gì bao phủ dao lại nên bị hư. Đức Phật dạy:

- Nên dùng lông mịn hoặc kiếp-bối hay da lớn bao phủ dao lại. Các Tỳ-kheo chứa giày dép da hai lớp. Đức Phật dạy:

- Không được chứa giày dép da hai lớp.

Các Tỳ-kheo chứa giày dép da ca-na-phú-la¹⁴⁷⁹. Đức Phật dạy:

- Không được chứa giày dép da ca-na-phú-la.

Tỳ-kheo cùng với bạch y nước Câu-tát-la cùng đi trên đường, bị vật nhọn đâm chảy máu dưới chân rất trầm trọng, không thể đi được. Bạch y thấy vậy liền đưa giày dép mình mang cho Tỳ-kheo. Tỳ-kheo e ngại phạm xử dụng giày dép da ca-na-phú-la nên không dám nhận. Đức Phật dạy:

- Có nhân duyên như vậy thì cho phép thọ dụng.

Nhóm sáu Tỳ-kheo chứa giày dép bằng sừng xoay.¹⁴⁸⁰ Đức Phật dạy:

- Không được chứa giày dép bằng sừng xoay.

Các Tỳ-kheo chứa giày dép bằng sừng nai. Đức Phật dạy:

- Không được chứa giày dép bằng sừng nai.

Các Tỳ-kheo chứa giày dép a-la-lê.¹⁴⁸¹ Đức Phật dạy:

- Không được chứa như vậy.

Nhóm sáu Tỳ-kheo dùng da nhiều màu làm dây cột giày dép. Đức Phật dạy:

- Không được chứa.

Nhóm sáu Tỳ-kheo dùng bố bằng lụa làm dây cột giày dép. Đức Phật dạy:

1479. Ca-na-phú-la 迦那富羅. Xem dưới.

1480. Triền giác cách tử 旋角革屣. Không hiểu “sừng xoay” là cái gì. Đoạn tương đương trong Mahāvagga v (Vin.i.186): mengavisāmavaddhika (có mồm giày làm bằng sừng con cừu), ajavisāmavaddhika (có mồm giày làm bằng sừng hươu).

1481. A-la-lê cách tử 阿羅梨革屣. (?)

- Không được chứa.

Nhóm sáu Tỳ-kheo chứa giày dép phú-la-bạt-đà-la.¹⁴⁸² Đức Phật dạy:

dạy: dạy:

- Không được chứa.

Nhóm sáu Tỳ-kheo mang giày dép chân-thệ-lê.¹⁴⁸³ Đức Phật

- Không được chứa.

Nhóm sáu Tỳ-kheo mang giày dép bện hai bên¹⁴⁸⁴. Đức Phật

- Không được chứa.

Nhóm sáu Tỳ-kheo mang giày dép có nhiều dây. Đức Phật dạy:

- Không được chứa.

Nhóm sáu Tỳ-kheo mang giày dép hình cuốn.¹⁴⁸⁵ Đức Phật dạy:

- Không được chứa.

Nhóm sáu Tỳ-kheo mang giày dép bằng da lớn, da sư tử, da cọp, da beo, da rái cá, da mèo rừng, da nhiều màu, da cáo. Đức Phật

dạy:

- Tất cả loại da đó không được chứa.

Nhóm sáu Tỳ-kheo dùng da lớn viền giày dép hoặc dùng làm dây, hoặc dùng để vá. Đức Phật dạy:

- Không được dùng để viền hay làm dây hoặc vá.

Nhóm sáu Tỳ-kheo mang giày dép màu xanh. Đức Phật dạy:

- Không được chứa.

Nhóm sáu Tỳ-kheo dùng màu xanh viền giày dép, hoặc dùng làm dây hay vá. Đức Phật dạy:

- Không được dùng màu xanh viền giày dép, hoặc làm dây hay vá.

Nhóm sáu Tỳ-kheo mang giày dép màu vàng. Đức Phật dạy:

- Không được mang.

Nhóm sáu Tỳ-kheo mang giày dép viền màu vàng, hoặc làm dây cột hay vá. Đức Phật dạy:

- Không được dùng giày dép, hoặc dây cột vá có viền màu vàng.

Nhóm sáu Tỳ-kheo mang giày dép màu đỏ. Đức Phật dạy:

- Không được mang giày dép màu đỏ, dây cột và vá cũng như vậy.

Nhóm sáu Tỳ-kheo mang giày dép màu trắng. Đức Phật dạy:

1482. Phú-la-bạt-đà-la 富羅跋陀羅. Pali, *ibid.*, punabaddha, một loại giày ống, cao đến đầu gối 148>. Chân-thệ-lê 真誓梨. Pali: *tittirapattika* (?), loại dép có hình cánh chim chá-cô.

1484. Biên biên cách tử 編邊革履.

1485. Quyển hình cách tử 捲形.

- Không được mang giày dép màu trắng, dây cột viền, đường vá viền cũng như vậy.

Nhóm sáu Tỳ-kheo mang giày dép giống như lông công. Đức Phật dạy:

- Không được như vậy.

Nhóm sáu Tỳ-kheo mang giày dép màu gấm.¹⁴⁸⁶ Đức Phật dạy:

- Không được dùng như vậy.

Tỳ-kheo kia nhận được giày dép màu gấm đã làm thành. Đức Phật dạy:

- Không được chứa; nếu làm mất màu thì được phép chứa.

Nhóm sáu Tỳ-kheo mang giày dép độn bằng loại lông mịn. Đức Phật dạy:

- Không được chứa.

Nhóm sáu Tỳ-kheo mang giày dép độn bằng kiếp-bối.¹⁴⁸⁷ Đức

Phật dạy:

- Không được chứa.

Nhóm sáu Tỳ-kheo dùng tơ lụa độn giày dép. Đức Phật

dạy:

- Không được chứa dùng.

Nhóm sáu Tỳ-kheo dùng cỏ bẹ, cỏ bà-sa, cỏ xá-la, cỏ hán-đà-la¹⁴⁸⁸ độn giày dép. Đức Phật dạy:

- Không được chứa.

- Nay nhóm sáu Tỳ-kheo, các ông là những người si. Điều nào Ta ngăn cấm, lại làm các điều khác. Từ nay về sau, tất cả loại giày dép có độn đều không được chứa để dùng.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo gặp trời mưa bùn bắn chân, bắn tọa cụ, bắn thân ngọa cụ. Đức Phật cho phép vì hộ thân, hộ tọa cụ, trong Tăng-già-lam được mang giày dép bằng cỏ bọ để rửa chân. Khi mang giày dép bằng cỏ bọ để rửa chân rồi, nước vào trong giày dép bắn chân, bắn tọa cụ, bắn thân, bắn ngọa cụ. Đức Phật cho phép dùng vỏ cây, hoặc da đóng dưới gót.

>. Bấy giờ, trong nước Xá-vệ, nhóm sáu Tỳ-kheo mang guốc bằng

khâm-bà-la.¹⁴⁸⁹ Đức Phật dạy:

- Không được dùng guốc bằng bốn loại cỏ như vậy và không được mang.

Khi Đức Phật ở tại thành Vương-xá, thì bấy giờ nhóm sáu Tỳ-kheo lột vỏ cây đa-la¹⁴⁹⁰ để làm guốc, nên cây bị khô héo. Các cư sĩ thấy cùng nhau cơ hiềm: “Sa môn thích tử không biết hổ thẹn, đoạn mạng sống mà tự nói tôi biết chánh pháp. Lột vỏ cây đa-la để làm guốc khiến cho cây bị khô chết. Như vậy có gì là chánh pháp?” Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Không được như vậy.

Khi Đức Thế Tôn ở tại nước Câu-thiểm-di, thì bấy giờ, nhóm sáu Tỳ-kheo mang guốc bằng gỗ đi như ngựa, âm thanh rối loạn các vị tọa thiền. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Không được mang guốc gỗ.

Các Tỳ-kheo e ngại không dám mang guốc vào nhà đại tiểu tiện, không dám mang guốc để rửa chân. Đức Phật dạy:

- Trừ mang đi đường. Các trường hợp trên được mang.

Thế Tôn ở tại nước Ta-kiệt-đề. Bấy giờ, Tỳ-kheo Tỳ-xá-ly Bạt-xà Tử¹⁴⁹¹ mang guốc bằng vàng, guốc bằng bạc. Đức Phật dạy:

- Không được mang.

Ông ta lại mang guốc bằng lưu ly. Đức Phật dạy:

- Không được dùng.

Ông ta tự làm và mang guốc bằng vật báu. Đức Phật dạy:

- Không được mang.

Sau đó ông lại mang guốc gỗ quý. Đức Phật dạy:

- Không được mang.

Đức Phật dạy tiếp:

1486. Cẩm sắc 錦色; nên hiểu là “được nhuộm màu.”

1487. Tức bông gòn.

1488. Bà-sa 婆娑, Pali (Vin.i. 189): pabbaja, một loại cỏ lau (cỏ tim đèn). Hán-đà-la 漢陀羅; Pali: hintāla, giống cây chà-là; một loại cây cọ. Xá-la, 舍羅. Chưa rõ loại cỏ này; hoặc Pali: sara, cỏ lau.

1489. Khâm-bà-la 欽婆羅, vải dệt bằng lông thú. Pali (Vin. i. 190): Kambala.

- Ông là người si. Ta cấm thứ này, ông lại vội sắm các thứ khác để mang. Từ nay về sau, không được mang tất cả loại guốc.

4. Thế Tôn ở tại nước Tỳ-xá-ly. Bấy giờ nhóm sáu Tỳ-kheo cùng Đức Phật đi kinh hành mà mang giày dép. Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Đệ tử thọ học với các công xảo sư ở bên ngoài còn có sự cung kính đối với Thầy. Còn nhóm sáu Tỳ-kheo này là những người ngu si, mới mang giày dép cùng Phật đi kinh hành.

Đức Phật dạy tiếp:

- Từ nay về sau, không được mang tất cả mọi thứ giày dép như vậy.

Bấy giờ, nhóm sáu Tỳ-kheo đối với Hòa thượng, đồng hàng Hòa

thượng, A-xà-lê, đồng hàng A-xà-lê, mà kinh hành nơi chỗ tốt, còn đồng hàng Hòa thượng kinh hành nơi chỗ xấu. Mình kinh hành nơi chỗ cao, còn đồng hàng Hòa thượng kinh hành nơi chỗ thấp. Mình đi trước, còn đồng hàng Hòa thượng đi sau. Cùng nói với đồng hàng Hòa thượng, cùng kinh hành, lật ngược y, y quấn cổ, y trùm đầu, trùm hai vai, mang giày dép. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Không được để Hòa thượng, đồng hàng Hòa thượng, hoặc A-xà-lê đồng hàng A-xà-lê kinh hành nơi chỗ xấu mà mình kinh hành nơi chỗ tốt, cho đến mang giày dép, tất cả đều không được.

Nhóm sáu Tỳ-kheo đối với Hòa thượng, đồng hàng Hòa thượng, A-xà-lê đồng hàng A-xà-lê phủ y lên hai vai, mang giày dép, hoặc có việc trao hay nhận, không trống vai bên hữu, không cởi bỏ giày dép. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Không được như vậy.

Đức Phật dạy:

- Từ nay về sau, khi đối trước Hòa thượng đồng hàng Hòa thượng, A-xà-lê đồng hàng A-xà-lê phải trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, khi có việc trao hay nhận.

Các Tỳ-kheo ở tại nhà bạch y đối với Hòa thượng đồng hàng Hòa thượng, A-xà-lê đồng hàng A-xà-lê, có việc trao hay nhận, trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, nên bị lộ hình. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Tại nhà bạch y, đối trước Hòa thượng đồng hàng Hòa thượng, A-xà-lê đồng hàng A-xà-lê khỏi phải trống vai bên hữu, khỏi phải cởi bỏ giày dép, khi có việc trao hay nhận.

1490. Đa-la 多羅. Pali (Vin.i. 189): tālataruna, tāla non hay chồi cây tâla; loại cây lá hình quạt; loại cây cọ.

1491. Tỳ-xá-ly Bạt-xà Tử 毘舍離跋闍子. Người họ Bạt-xà (Pali: Vajjiputta) ở Tỳ-xá-ly (Pali: Vesāli).

Bấy giờ có Tỳ-kheo cùng Tỳ-kheo khác cùng đi trên đường. Một Tỳ-kheo đến Tỳ-kheo khác xin nước. Các Tỳ-kheo nghĩ: “Đức Phật không cho phép mang giày dép khi có việc trao hay nhận.” Tỳ-kheo kia liền cởi bỏ giày dép để lấy nước, nên bị mất giày dép. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Cho phép trên đường đi, tùy ý mang giày dép khi có việc trao hay nhận.

Có Tỳ-kheo, lúc xẩm tối, đến Tỳ-kheo khác xin nước. Vị kia nghĩ: “Đức Phật không cho phép mang giày dép khi có việc trao hay nhận.” Bấy giờ, trú xứ nọ lại cách xa chỗ lấy nước, tuy sợ độc trùng, nhưng Tỳ-kheo kia vẫn cởi bỏ giày dép, đến đó để lấy nước, nên bị độc trùng cắn

chân đau nhức, không vui. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Sau khi mặt trời lặn, phải đi xa lấy nước, vì sợ độc trùng nên được phép mang giày dép, khi có việc trao hay nhận.

Nhóm sáu Tỳ-kheo thấy Hòa thượng đồng hàng Hòa thượng, A-xà-lê đồng hàng A-xà-lê không đứng dậy đón rước. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Nên đứng dậy chào tiếp. Trừ khi ăn hoặc khi làm pháp dư thực, hay khi bệnh thì nói: “Đại đức biết cho, tôi vì nhân duyên như vậy nên không đứng dậy chào đón được.”

Hòa thượng là người trao giới cho mình. Đồng hàng Hòa thượng là những vị đã đủ mười hạ.

A-xà-lê có năm hạng: xuất gia A-xà-lê, thọ giới A-xà-lê, giáo thọ A-xà-lê, dạy kinh A-xà-lê, y chỉ A-xà-lê.

Xuất gia A-xà-lê là người hướng dẫn mình xuất gia. Thọ giới A-xà-lê là vị làm yết-ma khi mình thọ giới. Giáo thọ A-xà-lê là vị dạy mình oai nghi.

Dạy kinh A-xà-lê là từ nơi vị đó mình được học kinh, đọc kinh, noi theo đường tu hành, hoặc thuyết nghĩa cho đến một câu trong bốn câu của bài kệ.

Y chỉ A-xà-lê là vị ấy mình nương vào để sống, dù chỉ trong một đ

êm. Đồng hàng A-xà-lê là những vị đã đủ năm tuổi. Trừ y chỉ

A-xà-lê.¹⁴⁹²

5. Phòng ở của Tỳ-kheo này nên lau quét. Lau quét rồi mà còn bụi thì dùng nước bùn trét lên trên. Trét bùn rồi mà còn bẩn thì lấy đồ trải lên. Đồ trải đó hoặc là y-lê-diên-đà, mào-la, mào-mào-la, cù-lâu, hoặc một trong mười loại y.

Các Tỳ-kheo không rửa chân mà đi trên đồ trái. Đức Phật dạy:

- Bên cửa nên để đồ chùi chân. Nếu vẫn không sạch, thì ngoài cửa nên để nước rửa chân.

Tỳ-kheo rửa chân rồi, khi chân chưa khô, bước lên trên đồ trái, nên đồ trái bị hư mục. Đức Phật dạy:

- Chân chưa khô, không được bước lên trên đồ trái. Nếu có việc gấp thì lấy chân chùi trên đầu gối, hoặc chùi nơi lòng bàn chân, hoặc lấy tay chùi, hoặc dùng vật xấu chùi.

Các Tỳ-kheo vì Hòa thượng, đồng hàng Hòa thượng, A-xà-lê, đồng hàng A-xà-lê trao hay nhận điều gì, phải rửa chân mỗi cực nhọc,

bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Từ nay về sau, nếu vì Hòa thượng, đồng hàng Hòa thượng, A-xà-lê, đồng hàng A-xà-lê cần trao hay nhận điều gì cho phép dùng cái mâm đồng, cái khay, cái kỷ. Tất cả vật cần dùng hay thức ăn đều để hết lên trên đó, rồi trao một lần.

Có Tỳ-kheo dưới chân bị thủng, gặp lúc trời mưa. Các Tỳ-kheo đi đến nơi nhà vệ sinh bị ngã, nằm trên bùn rất khổ sở. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Cho phép vì hộ thân, hộ y, hộ ngoại cụ, trong Tăng-già-lam được mang giày dép một lớp.

Các Tỳ-kheo trên đường đi vì Hòa thượng, đồng hàng Hòa thượng, A-xà-lê, đồng hàng A-xà-lê có việc trao hay nhận, phải trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép một nhọc. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Nếu trên đường đi vì Hòa thượng, đồng hàng Hòa thượng, A-xà-lê, đồng hàng A-xà-lê có việc trao hay nhận, nên đưa lên trên đầu hoặc trên vai để trao hay nhận.

6. Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ nhóm sáu Tỳ-kheo mang giày dép vào tụ lạc. Các cư sĩ thấy đều cơ hiểm nói: “Sa-môn Thích tử tự nói mình biết chánh pháp. Nhưng vào tụ lạc mà mang giày dép, giống như Vua hay đại thần của Vua. Như vậy có gì là chánh pháp?” Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Không được mang giày dép vào tụ lạc.

Các Tỳ-kheo bệnh, với tâm e ngại không dám mang giày dép vào

tụ lạc. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Cho phép các Tỳ-kheo bệnh mang giày dép vào tụ lạc.

Nhóm sáu Tỳ-kheo mượn cỗ bệnh mang giày dép vào tụ lạc.

Các Tỳ-kheo thấy nói: “Đức Phật đâu cho phép mang giày dép vào tụ lạc?”

Vị kia nói:

- Tôi bị bệnh.

Các Tỳ-kheo hỏi:

- Bệnh gì?

Vị kia nói:

- Thừa trưởng lão, Đức Phật há không nói, nếu có người nào đổ chỉ trong chốt lát mà không vui, thì gọi là bệnh hay sao? Vì vậy cho nên chúng tôi mượn cỗ bị bệnh.

Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Không được mượn cỗ bệnh để mang giày dép vào tụ lạc.

Bấy giờ, trưởng lão Tất-lăng-già-bà-ta gót chân bị đau, cần mang giày dép trùm ngoài gót chân. Các Tỳ-kheo bạch Phật, Đức Phật cho phép mang giày dép trùm ngoài gót chân. Trưởng lão Tất-lăng-già-bà-ta trên đường đi, mắt bị mờ, ngón chân bị thương tích bởi đá sỏi. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Cho phép mang giày dép trùm ngoài ngón chân.

Tất-lăng-già-bà-ta có nhiều thân hữu, trên đường cùng đi, nhận được nhiều đại mạch, tiểu mạch, đậu ban, gạo lúa tám. Các Tỳ-kheo nghi không dám nhận, bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Cho phép nhận.

Các Tỳ-kheo nhận rồi không biết để đâu, bạch Phật. Đức Phật

d

ạy: - Cho phép đựng trong cái đĩa hay cái khăn.

Trưởng lão Tất-lăng-già-bà-ta, trên đường đi, nhận được sữa, dầu,

mật, đường cát. Các Tỳ-kheo không dám lấy bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Cho phép nhận lấy.

Nhận lấy rồi không biết để đâu bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Dùng cái bát cạn cho vào trong cái bát nhỏ hay cái bát vừa để nhận. Cái bát cạn để vào trong cái bát nhỏ, cái bát nhỏ để vào cái bát vừa, cái bát vừa để vào trong cái bát lớn.

Các Tỳ-kheo không biết cái bát cạn để trong cái bát nhỏ, cái bát nhỏ để vào trong cái bát vừa, thì cái bát vừa phải tịnh thí hay không¹⁴⁹, bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Khởi phải tịnh thí.

7. Trưởng lão Tất-lăng-già-bà-ta già yếu không thể đi bộ được, bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Cho phép dùng cái xe kéo bộ hay cái kiệu, hoặc xe ngựa. Nhưng không được kéo bởi người nữ, trâu bò cái, ngựa cái, không được sử dụng.

Tất-lăng-già-bà-ta, trên đường đi có người cúng loại xe kéo¹⁴⁹⁴, không dám nhận, bạch Phật. Phật cho phép nhận.

Lại có người cúng loại xe kéo bằng da, không dám nhận, bạch Phật. Phật cho phép nhận, rồi dùng một trong mười loại y phủ lên trên chỗ da.

Lại có người cúng loại xe kéo được bện bằng da, không dám nhận, bạch Phật. Phật cho phép nhận, với điều là bỏ loại dây bằng da, bằng tóc, còn các loại dây khác thì không sao.

Các Tỳ-kheo cần cái càng xe, bạch Phật, Đức Phật cho phép làm.

Các Tỳ-kheo cần dây cột xe, bạch Phật. Đức Phật cho phép làm.

Nếu dây thừng bị đứt thì cho phép làm bằng da.

Nếu khiêng xe, vai bị đau; cho phép làm gối để lót. Nếu phía sau đau, cũng cho phép làm cái gối để lót. Bấy giờ không biết nên để ai khiêng, bạch Phật. Đức Phật dạy:

Cho phép Tỳ-kheo, hoặc người giúp việc trong Tăng-già-lam, hoặc Ưu-bà-tắc hay Sa-di. Nếu nhận được xe thì cũng như vậy. Nếu xe bằng da thì nên dùng một trong mười loại y phủ chỗ da lại rồi dùng. Nếu được xe bện bằng da thì trừ loại dây bằng da, bằng tóc, ngoài ra được dùng. Các vị không biết nên để ai kéo, bạch Phật. Đức Phật dạy:

Cho phép Tỳ-kheo, hoặc người giúp việc trong Tăng-già-lam, hoặc Ưu-bà-tắc hay Sa-di kéo.

Trưởng lão Tất-lăng-già-bà-ta nhận được người coi Tăng-già-lam.

Đức Phật dạy:

- Được phép nuôi.

8. Bấy giờ, nhóm sáu Tỳ-kheo làm giường bằng da, giường đơn bằng da. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Không được chứa.

149>. Tác tịnh, vì sợ phạm súc trưởng bát; ni-tát-kỳ 21.

1494. Liễn 輦; xe do người kéo

Họ lại làm nệm da, gối da, ngọa cụ da, đồ trải dưới đất bằng da. Khi trải dưới đất bị sinh trùng, đem vào phòng, hôi thối. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Không được chứa.

Bấy giờ, có Bà-la-môn xuất gia làm đạo, đem da y-sư¹⁴⁹⁵ làm vật chùi chân, để trong cửa. Đức Phật dạy:

- Cho phép chứa.

Các Tỳ-kheo xách nước, dây xách nước thường bị đứt. Đức Phật dạy:

Cho phép dùng da làm dây để xách. Nếu gàu bị hư, Phật cho phép dùng da để làm. Dây bị đứt, Phật cho phép làm bằng da.

Dây cửa ngõ thường bị đứt, Phật cho phép làm bằng da. Khi mở cửa, đóng cửa đau tay, Phật cho phép dùng miếng da lớn trùm lên.

Chốt cửa không xoay được, Đức Phật cho phép để miếng da. Trên cái chốt bị hư Phật cho phép dùng da khâu lại. Nếu bị kêu cũng vậy.

Chân giường dây, giường cây bị hư, Phật cho phép dùng da khâu lại.

Có các Tỳ-kheo bị đau chân, Phật cho phép dùng miếng da lớn phủ lên trên cho chỗ đau lành. Sau đó, bỏ đi.

Tỳ-kheo dùng dây lợp lại nhà bị đứt, Phật cho phép dùng da làm. Dây cửa sổ thường bị đứt, Phật cho phép dùng cước hay lông để làm.

9. Nhóm sáu Tỳ-kheo chứa dĩa đựng bình bát, dĩa đựng giày dép, dĩa đựng kim chỉ bằng da. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Không được chứa như vậy.

Bấy giờ có người thợ mộc xuất gia làm Tỳ-kheo, chứa dĩa da để đựng đồ nghề. Đức Phật dạy:

- Không được chứa.

Thợ mộc xuất gia làm Tỳ-kheo, tất cả đồ nghề không được cất chứa. Chúng tăng được gỗ làm đồ dùng, bạch Phật. Đức Phật cho phép chứa. Không biết dùng đựng vật gì. Đức Phật dạy:

- Mười loại y, tùy ý chứa đựng.

Bình đựng dầu, sữa của Tỳ-kheo để không kín đáo. Đức Phật dạy:

1495. Y-sư bì 伊師皮.

Cho phép dùng da ướm phủ lên. Nếu bị trùng cắn lủng thì dùng bùn trét lên.

Tỳ-kheo nhận được đồ đựng dầu bằng da có hình hoa, e ngại không dám chứa. Đức Phật cho phép chứa.

Tỳ-kheo nhận được đồ đựng dầu bằng sừng, e ngại không dám chứa. Đức Phật cho phép chứa. Nếu phía trên, phía dưới hay bên hông bị lủng thì dùng da ràng lại.

10. Khi Đức Thế Tôn ở tại thành Vương-xá, bấy giờ có Tỳ-kheo bị cây nhọn đâm vào chân bị thương, cần giày dép mềm. Đức Phật cho phép xử dụng.

Bấy giờ, Đức Phật cùng Tôn giả A-nan đi đến rừng Thi-đà, cách chỗ gò mả không xa, thấy có đôi giày hai lớp quý giá. Đức Thế Tôn biết mà vẫn hỏi A-nan:

- Tại sao ông không lấy đôi giày ấy?

Tôn giả A-nan thưa:

- Sợ phạm phải điều dùng giày hai lớp.

Đức Phật dạy:

- Xem đó như vật phẩn tảo thì được lấy.

Có Tỳ-kheo trên đường đi, cách chỗ gò mả không xa, thấy da người chết dày, được khâu nơi cây gỗ, bèn lột lấy đem về phòng cất làm

đôi giày một lớp. Trong phòng có mùi thối. Các Tỳ-kheo khác hỏi:

- Tại sao trong phòng có mùi hôi thối?

Tỳ-kheo kia trình bày sự việc với các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Không được chứa da người. Nếu chứa, phạm Thâu-lan-giá. Ngoài ra, các thứ da bất tịnh khả ố khác cũng không được chứa, nếu chứa phạm đột-kết-la.

11. Bấy giờ, có Tỳ-kheo từ nước giá lạnh¹⁴⁹⁶ đến, chân bị nứt, đến chỗ Đức Phật, đánh lễ sát chân rồi đứng lui qua một bên. Đức Phật biết mà vẫn hỏi:

- Tại sao chân ông bị nứt?

Vị ấy bạch Phật:

- Con từ xứ lạnh đến nên bị nứt.

Đức Phật hỏi Tỳ-kheo ấy:

- Nước đó họ mang bằng thứ gì?

Vị Tỳ-kheo ấy thưa:

- Mang dép da phú-la-am.¹⁴⁹⁷

Đức Phật dạy:

- Cho phép mang như vậy. Nếu cần dùng tất thì cho phép dùng tất. Cho phép đến nơi cư sĩ, vợ cư sĩ chẳng phải bà con để xin. Không được chứa dư. Nếu chứa dư, sẽ như pháp trị.

Nhóm sáu Tỳ-kheo dùng da làm dây lưng. Đức Phật dạy:

- Không được dùng da làm dây lưng, dây ngời thiền.

Tỳ-kheo chứa đồ bằng da. Đức Phật dạy:

- Không được chứa.

Tỳ-kheo dùng da làm mào. Đức Phật dạy:

- Không được dùng như vậy.

Tỳ-kheo làm khăn-thù-thán¹⁴⁹⁸ bằng da. Phật dạy:

- Không được.

Tỳ-kheo không lau chùi giày dép nên bẩn chân, bẩn ngọa cụ. Đức Phật dạy:

- Phải lau chùi giày dép.

Tỳ-kheo rửa chân chưa khô mang giày dép nên giày dép bị hư mục. Phật dạy:

- Không được như vậy.

Tỳ-kheo không thường giặt vật lau chân. Các Tỳ-kheo thấy bẩn gớm. Đức Phật dạy:

- Nên giặt.

Vị ấy giặt rồi không vắt không phơi, bị sinh trùng. Phật dạy:

- Nên giặt rồi vắt, hong cho khô.

1496. Hàn tuyết quốc 寒雪國.

1497. Phú-la-am-đê 富羅菴. Cf. Bì cách sự (T2>, tr.1059b1): tại vùng có tuyết lạnh, cho dùng giày phú-la. Xem thêm Ngũ phần 21 (T22n1421 tr.146c24) Có lẽ một loại giày ống. Wogihara, Skt. pūla: loại giày có giày đai. Mahāvvyutpatti, 272 (21): pūlā, hữu đai ngoa 有帶靴, phú-la 富羅. Nhất thiết kinh âm nghĩa (T54n2128 tr.740b07): phúc-la 腹羅, cũng viết là 福羅; hoặc nói là phú-la 富羅, chính xác nói là bố-la 布羅; dịch là đoản áo ngoa 短靴, loại giày ống cổ ngắn (?). Phiên dịch danh nghĩa (T54n21>1, tr.1108b17): phú-la 富羅, chính xác là phúc-la 腹羅, dịch là đoản áo ngoa 短靴. Không rõ Pali tương đương.

1498. Khẩn-thù-thán 緊殊炭. Chưa rõ cái gì. ■